

Số: 02/2025/NQ-HĐTP

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của
Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15;

Để áp dụng đúng và thống nhất một số quy định của Luật Phá sản, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Bộ luật Hình sự;

Sau khi có ý kiến của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sau:

1. Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐTP ngày 26 tháng 8 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Phá sản (sau đây gọi là Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐTP);

2. Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Luật tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử (sau đây gọi là Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP);

3. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (sau đây gọi là Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP);

4. Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP ngày 18 tháng 6 năm 2019 về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ (sau đây gọi là Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP);

5. Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐTP ngày 10 tháng 6 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm mức hình phạt đã tuyên, giảm thời hạn chấp hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt, hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù (sau đây gọi là Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐTP).

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐTP

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này hướng dẫn thi hành một số quy định tại khoản 14 Điều 9, Điều 70 và Điều 104 của Luật phá sản.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Khi giải quyết vụ việc phá sản, Thẩm phán phải nghiên cứu, áp dụng án lệ đối với vụ việc phá sản có tình huống pháp lý tương tự.”.

3. Bãi bỏ Điều 2 và Điều 3.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 2 như sau:

“1. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính.

2. Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Tòa án nhân dân khu vực.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 như sau:

“2. Việc áp dụng giao dịch điện tử tại Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực được thực hiện khi có đủ điều kiện.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, Chánh án Tòa án nhân dân khu vực nơi người chấp hành án treo cư trú, Chánh án Tòa án quân sự khu vực nơi người chấp hành án treo công tác phải thành lập Hội đồng phiên họp xét buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và phân công Thẩm phán nghiên cứu hồ sơ đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định giải quyết đề nghị buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người bị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, cơ quan đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Tòa án đã ra quyết định thi hành án phạt tù cho hưởng án treo.”.

2. Thay thế cụm từ “Tòa án nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Tòa án nhân dân khu vực” tại khoản 1 Điều 8.

3. Thay thế một số mẫu như sau:

a) Thay thế mẫu số 02-HS ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP bằng mẫu số 02-HS ban hành kèm theo Nghị quyết này;

b) Thay thế mẫu số 03-HS ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP bằng mẫu số 03-HS ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Bỏ cụm từ “tên huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;” và cụm từ “trực thuộc trung ương” tại điểm b khoản 1 Điều 6.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 6 như sau:

“c) Được Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh đề xuất;”.

2. Thay thế một số mẫu như sau:

a) Thay thế mẫu số 01-AL ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP bằng mẫu số 01-AL ban hành kèm theo Nghị quyết này;

b) Thay thế mẫu số 02-AL ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP bằng mẫu số 02-AL ban hành kèm theo Nghị quyết này;

c) Thay thế mẫu số 03-AL ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP bằng mẫu số 03-AL ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐTP

1. Thay thế cụm từ “Tòa án nhân dân cấp cao” bằng cụm từ “Tòa án cấp phúc thẩm”; cụm từ “Tòa án nhân dân tỉnh T” bằng cụm từ “Tòa án cấp sơ thẩm” tại ví dụ khoản 3 Điều 3.

2. Thay thế cụm từ “Công an cấp huyện” bằng cụm từ “Công an cấp tỉnh” tại các khoản 8 và 11 Điều 5.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. *phục*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để giám sát);
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ 02 bản;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công an;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Tài chính;
- Các TAND và TAQS các cấp (để thực hiện);
- Các Thẩm phán TANDTC và các đơn vị TANDTC (để thực hiện);
- Cổng Thông tin điện tử TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT (TANDTC; Vụ PC&QLKH).

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN**



Lê Minh Trí

Mẫu số 02-HS

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025
của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN ...⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ... /.../...⁽²⁾..., ngày ... tháng ... năm ...⁽³⁾**QUYẾT ĐỊNH**

Giải quyết đề nghị buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

TÒA ÁN⁽⁴⁾ ...

- Thành phần Hội đồng phiên họp xét buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà).....

Các Thẩm phán: Ông (Bà):.....

Ông (Bà):.....

- Thư ký phiên họp: Ông (Bà)⁽⁶⁾.....**- Đại diện Viện Kiểm sát⁽⁷⁾ tham gia phiên họp:**

Ông (Bà).....- Kiểm sát viên.

NHẬN THẤY:Người bị xử phạt tù được hưởng án treo đang chịu thử thách tại⁽⁸⁾..... ;Ngày ... tháng ... năm⁽⁹⁾;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị buộc người được hưởng án treo⁽¹⁰⁾....
phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo;

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến,

XÉT THẤY:

Trên cơ sở các tài liệu trong hồ sơ vụ việc và thảo luận tại phiên họp, Tòa
án nhận định như sau⁽¹¹⁾

Căn cứ vào⁽¹²⁾**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Chấp nhận (Không chấp nhận) đề nghị của⁽¹³⁾ về việc buộc người
được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo
đối với người bị xử phạt tù được hưởng án treo⁽¹⁴⁾

Bị xử phạt⁽¹⁵⁾ ... tù về tội (các tội) ... nhưng được hưởng án treo với thời gian thử thách là⁽¹⁶⁾

Tại bản án hình sự⁽¹⁷⁾ ... số ... ngày ... tháng ... năm... của Tòa án
(18)

2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định trong trường hợp không có kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Ghi theo những nơi cần gửi theo hướng dẫn tại khoản 6 Điều 11 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG PHIÊN HỢP
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 02-HS:

(1) và (4) ghi tên Tòa án nhân dân giải quyết vụ việc; nếu là Tòa án nhân dân khu vực thì cần ghi tên Tòa án nhân dân khu vực gì thuộc tỉnh, thành phố nào (ví dụ: Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh H); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao thì ghi Tòa án Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại (Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (ví dụ: Tòa án quân sự khu vực 1, Quân khu 4).

(2) ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định (ví dụ 1: 16/2025/HSST-QĐ).

(3) ghi địa điểm và ngày, tháng, năm ra Quyết định.

(5) ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán. Nếu là Tòa án quân sự thì không ghi “Ông (Bà)” mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên họp và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên Tòa án của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi đầy đủ họ tên Kiểm sát viên tham gia phiên họp.

(8) ghi tên cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị xử phạt tù được hưởng án treo.

(9) ghi ngày, tháng, năm, số văn bản đề nghị buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo của Cơ quan thi hành án hình sự nơi người được hưởng án treo cư trú hoặc làm việc (ví dụ: Ngày 15 tháng 6 năm 2025 Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh A có văn bản số 18/.... đề nghị buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo).

(10) ghi họ tên các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có), năm sinh của người bị xử phạt tù được hưởng án treo. Nếu người bị xử phạt tù được hưởng án treo dưới 18 tuổi thì ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh.

(11) trong phần này, ghi tóm tắt nội dung vụ việc, quyết định trong bản án tuyên người bị đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù được hưởng án treo; nội dung đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù; ghi nhận định của Hội đồng phiên họp, những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị; điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự và của văn bản quy phạm pháp luật khác mà Hội đồng phiên họp căn cứ để giải quyết vụ việc.

(12) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(13) ghi tên cơ quan thi hành án hình sự cấp tỉnh hoặc cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

(14) ghi họ tên, các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có), năm sinh (đối với người dưới 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh), nơi cư trú hoặc nơi làm việc, dân tộc, giới tính, tôn giáo, quốc tịch của người bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo.

(15) ghi mức hình phạt tù được hưởng án treo theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “02 (hai) năm”).

(16) ghi thời gian thử thách theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “02 (hai) năm”)

(17) bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(18) nếu chấp nhận thì ghi rõ họ tên của người bị đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù, cụ thể hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo phải thi hành (ví dụ: Buộc Nguyễn Văn A phải chấp hành hình phạt 03 (ba) năm tù tại Bản án số 15/2025/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh H)

Nếu không chấp nhận thì không ghi mục này.

Mẫu số 03-HS

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025
của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

TÒA ÁN....⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ... /.../... ⁽²⁾..., ngày ... tháng ... năm ... ⁽³⁾**QUYẾT ĐỊNH****Giải quyết⁽⁴⁾ ...****TÒA ÁN⁽⁵⁾ ...****- Thành phần Hội đồng phiên họp xét kháng nghị⁽⁶⁾ ... gồm có:⁽⁷⁾****Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:** Ông (Bà).....

Các Thẩm phán: Ông (Bà):.....

Ông (Bà):.....

- Thư ký phiên họp: Ông (Bà)⁽⁸⁾.....**- Đại diện viện Kiểm sát ⁽⁹⁾ tham gia phiên họp:**

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

NHẬN THẤY:

Ngày ... tháng ... năm ..., Viện Kiểm sát ⁽¹⁰⁾ ... có Quyết định kháng nghị số ⁽¹¹⁾ ... kháng nghị đối với Quyết định giải quyết đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo (Quyết định giải quyết đề nghị buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo) số ⁽¹²⁾ ... của Tòa án ... đối với: ⁽¹³⁾

XÉT THẤY:

Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, kết quả thảo luận tại phiên họp, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhận định như sau:⁽¹⁴⁾.....

Căn cứ vào ⁽¹⁵⁾**QUYẾT ĐỊNH:**1. ⁽¹⁶⁾

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- (17).....

- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG PHIÊN HỢP
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 03-HS:

(1) và (5) ghi tên Tòa án nhân dân giải quyết vụ việc; nếu là Tòa án nhân dân khu vực thì cần ghi tên Tòa án nhân dân khu vực gì thuộc tỉnh, thành phố nào (ví dụ: Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh H); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao thì ghi Tòa án Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại (Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (ví dụ: Tòa án quân sự khu vực 1, Quân khu 4).

(2) ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định (ví dụ: 16/2025/HSPT-QĐ).

(3) ghi địa điểm, ngày, tháng, năm ra quyết định.

(4) trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết kháng nghị đối với Quyết định giải quyết đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo thì ghi: Giải quyết kháng nghị đối với Quyết định giải quyết đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo; trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết kháng nghị đối với Quyết định giải quyết đề nghị buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo thì ghi: Giải quyết kháng nghị đối với Quyết định giải quyết đề nghị buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

(6) trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết kháng nghị đối với Quyết định giải quyết đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo thì ghi: Quyết định giải quyết đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo; trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết kháng nghị đối với Quyết định giải quyết đề nghị buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo thì ghi: Quyết định giải quyết đề nghị buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

(7) ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán. Nếu là Tòa án quân sự thì không ghi “Ông (Bà)” mà ghi cấp bậc quân hàm.

(8) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên họp và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên Tòa án của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(9) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi đầy đủ họ tên Kiểm sát viên tham gia phiên họp.

(10) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1).

(11) ghi đầy đủ số, ký hiệu của quyết định kháng nghị.

(12) ghi đầy đủ số, ký hiệu, ngày, tháng, năm của quyết định bị kháng nghị (ví dụ: Quyết định giải quyết đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo số 16/2025/HSST-QĐ của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Y).

(13) ghi đầy đủ họ tên của người được đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo bị kháng nghị hoặc người bị đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo bị kháng nghị.

(14) trong phần này, ghi tóm tắt nội dung vụ việc, quyết định bị kháng nghị; tóm tắt nội dung kháng nghị; yêu cầu của kháng nghị; ghi nhận định của Hội đồng, những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng nghị; điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự và của văn bản quy phạm pháp luật khác mà Hội đồng phiên họp căn cứ để giải quyết vụ việc.

(15) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(16) tùy từng trường hợp mà ghi theo quy định tại khoản 1 Điều 361 của Bộ luật Tố tụng hình sự và quyết định của Hội đồng phiên họp.

(17) trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết kháng nghị đối với Quyết định giải quyết đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo thì ghi theo những nơi cần gửi theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Thi hành án hình sự;

Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết kháng nghị đối với Quyết định giải quyết đề nghị buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo thì ghi theo những nơi cần gửi theo hướng dẫn tại khoản 6 Điều 11 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Mẫu số 01-AL

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20 ...

**BIÊN BẢN PHIÊN HỌP
Lựa chọn, thông qua án lệ**

- Căn cứ Điều 32 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 6 năm 2024 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 6 năm 2025;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Ngày ... tháng ... năm ...⁽¹⁾, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiến hành phiên họp để lựa chọn, thông qua án lệ.

I. Thành phần tham gia phiên họp:

- Tham gia phiên họp có ...⁽²⁾ thành viên Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Chủ trì:

- Người ghi biên bản:

II. Nội dung phiên họp:⁽³⁾

.....
.....
.....
.....
.....

III. Kết quả biểu quyết thông qua án lệ:⁽⁴⁾

Sau khi thảo luận, Hội đồng Thẩm phán đã tiến hành biểu quyết; kết quả như sau:

- Số thành viên đồng ý thông qua án lệ:.....
- Số thành viên không đồng ý thông qua án lệ:.....
- Ý kiến khác:

Phiên họp kết thúc lúc ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

CHỦ TRÌ

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-AL:

- (1) Ghi ngày, tháng, năm Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiến hành phiên họp.
- (2) Ghi số thành viên Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tham gia phiên họp.
- (3) Ghi nội dung phát biểu, thảo luận tại phiên họp.
- (4) Ghi kết quả biểu quyết thông qua đối với từng án lệ.

Mẫu số 02-AL

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /QĐ-CA

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố án lệ

CHÁNH ÁN TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Căn cứ Điều 32 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 6 năm 2024 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 6 năm 2025;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố ...⁽¹⁾ án lệ đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua (có án lệ kèm theo).

Điều 2. Các Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự có trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng các án lệ trong xét xử kể từ ngày ...⁽²⁾

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (02 bản);
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công an;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Trung ương Hội luật gia Việt Nam;
- Các TAND và TAQS;
- Các Thẩm phán TANDTC;
- Các đơn vị thuộc TANDTC;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH (TANDTC).

CHÁNH ÁN

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 02-AL:

- (1) Ghi số lượng án lệ được thông qua.
- (2) Được xác định theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết.

Mẫu số 03-AL

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025
của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /TB-CA

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20 ...

THÔNG BÁO
Về việc bãi bỏ án lệ

CHÁNH ÁN TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Căn cứ Điều 32 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 6 năm 2024 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 6 năm 2025;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

THÔNG BÁO:

I. Bãi bỏ án lệ sau đây:⁽¹⁾

.....
.....

II. Án lệ bị bãi bỏ kể từ ngày ... tháng ... năm ...

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (02 bản);
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công an;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Trung ương Hội luật gia Việt Nam;
- Các TAND và TAQS;
- Các Thẩm phán TANDTC;
- Các đơn vị thuộc TANDTC;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH (TANDTC).

CHÁNH ÁN

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 03-AL:

(1) Ghi số, tên án lệ bị bãi bỏ.